

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GIA QUYỀN

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Quyền (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009.

### 1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Ông Lê Quốc Ân	Chủ tịch
Ông Trần Văn Ái	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Nam	Phó chủ tịch
Ông Trần Hoài Phương	Ủy viên
Bà Dương Hồng Loan	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 18/4/2009)
Ông Lê Trung Hải	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 18/4/2009)

#### Ban kiểm soát

Bà Bùi Thị Lệ Dung	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Hanh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 18/4/2009)
Ông Nguyễn Đức Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Lê Hoàng Nguyên	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 18/4/2009)

### 2. Ban Giám đốc

Bà Trần Dương Ngọc Thảo	Tổng Giám đốc
-------------------------	---------------

### 3. Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Công ty đã:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009. Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và

015C  
NG  
NHẬN H  
VÀ KIẾ  
A &  
TP.HC  
Y  
N  
M  
V C

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GIA QUYỀN**  
**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



*[Handwritten signature]*  
**Trần Dương Ngọc Thảo**

Ngày 01 tháng 02 năm 2010



Số: 095/BCKT-BCKT

**BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**  
**Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Quyền**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**

**Kính gửi: -BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GIA QUYỀN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán của Công ty cổ phần Chứng Khoán Gia Quyền (sau đây gọi tắt là "Công ty") gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009 (từ trang 05 đến trang 21).

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.



**Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, thì các báo cáo tài chính đính kèm theo bảng báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31/12/2009 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Quyền cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày 31/12/2009, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



**Nguyễn Lương Nhân**

**Giám đốc**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0182/KTV

Thay mặt và đại diện

**Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán CA&A**

Tp. HCM, ngày 01 tháng 02 năm 2010

A handwritten signature in blue ink, appearing to be "A. Tuấn".

**Nguyễn Anh Tuấn**

**Kiểm toán viên**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0985/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GIA QUYÊN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Ghi chú	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>148.800.185.015</b>	<b>86.665.578.970</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	26.919.620.860	12.026.101.903
1. Tiền	111		26.419.620.860	9.526.101.903
2. Các khoản tương đương tiền	112		500.000.000	2.500.000.000
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120	V.04	92.596.783.659	71.855.826.847
1. Đầu tư ngắn hạn	121		99.132.471.543	71.855.826.847
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(6.535.687.884)	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	V.11	28.655.243.856	2.089.914.328
1. Phải thu khách hàng	131		197.827.056	112.000.000
2. Trả trước cho người bán	132		51.730.000	139.914.137
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		240.000.000	17.080.391
4. Các khoản phải thu khác	138		28.221.686.800	1.854.519.800
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(56.000.000)	(33.600.000)
<i>IV. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		628.536.640	693.735.892
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.17	448.709.390	523.178.298
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	154		80.067.404	80.116.543
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.18	99.759.846	90.441.051
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>15.264.317.016</b>	<b>23.357.373.120</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		11.271.369.894	12.966.436.672
1. TSCĐ hữu hình	221	V.05	11.022.450.318	12.763.489.920
- Nguyên giá	222		15.079.673.673	15.042.155.327
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.057.223.355)	(2.278.665.407)
2. TSCĐ vô hình	227	V.06	248.919.576	202.946.752
- Nguyên giá	228		400.597.952	259.597.952
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(151.678.376)	(56.651.200)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	V.04	910.000.000	5.005.000.000
1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		910.000.000	5.005.000.000
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		910.000.000	5.005.000.000
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260		3.082.947.122	5.385.936.448
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	2.140.894.518	4.281.789.039
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.10	372.434.458	170.939.563
4. Tài sản dài hạn khác	264	V.19	569.618.146	933.207.846
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>164.064.502.031</b>	<b>110.022.952.090</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GIA QUYỀN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Ghi chú	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>72.244.377.690</b>	<b>10.401.427.015</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>72.244.377.690</b>	<b>10.401.427.015</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.20	20.000.000.000	2.400.000.000
2. Phải trả người bán	312		357.300.100	3.117.700
3. Người mua trả tiền trước	313		75.000.000	230.500.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.08	32.028.299	66.770.745
5. Phải trả người lao động	315		300.435.001	-
6. Chi phí phải trả	316	V.12	159.791.667	36.166.700
7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V.21	31.736.139.000	-
8. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		7.290.400	- 718.691.083
9. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	V.13	19.576.393.223	6.946.180.787
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
<b>B. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>91.820.124.341</b>	<b>99.621.525.075</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.16	<b>91.820.124.341</b>	<b>99.621.525.075</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		135.000.000.000	135.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(43.179.875.659)	(35.378.474.925)
<b>II. Quỹ khen thưởng phúc lợi</b>	<b>430</b>			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>164.064.502.031</b>	<b>110.022.952.090</b>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tài sản cố định thuê ngoài	001	-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004	-	-
5. Ngoại tệ các loại	005	-	-
6. Chứng khoán lưu ký	006	28.756.441	17.053.448
Trong đó:			
6.1. Chứng khoán giao dịch	007	28.743.261	15.375.031
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	680.870	240
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	27.761.625	15.269.125
6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	300.766	105.666
6.1.4. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	011	-	-
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	13.180	1.678.417
6.3. Chứng khoán cầm cố	017	-	-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	-	-

*Trương Thị Kim Dung*

Trương Thị Kim Dung

Kế toán trưởng  
Ngày 01 tháng 02 năm 2010



*Trần Dương Ngọc Thảo*

Tổng Giám đốc

Ghi chú kèm theo từ trang 09 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GIA QUYỀN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Ghi chú	Năm 2009	Năm 2008
<b>1. Doanh thu</b>	01	V.22	<b>21.204.838.008</b>	<b>13.227.185.121</b>
<b>Trong đó</b>				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		14.057.968.513	4.111.027.959
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		4.303.154.782	4.841.227.643
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		633.000.000	1.129.826.500
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		59.875.370	125.808.670
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		-	-
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		47.274.713	25.346.000
- Doanh thu khác	01.9		2.103.564.630	2.993.948.349
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>10</b>		<b>21.204.838.008</b>	<b>13.227.185.121</b>
<b>4. Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>11</b>	V.23	<b>12.201.293.328</b>	<b>22.270.488.721</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp/(lỗ) của hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>9.003.544.680</b>	<b>(9.043.303.600)</b>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.24	16.795.278.208	25.614.581.127
<b>7. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(7.791.733.528)</b>	<b>(34.657.884.727)</b>
8. Thu nhập khác	31	V.25	21.637.074	1.103.237.207
9. Chi phí khác	32	V.26	31.304.279	1.934.421.824
<b>10. Lợi nhuận/(lỗ) khác</b>	<b>40</b>		<b>(9.667.205)</b>	<b>(831.184.617)</b>
<b>11. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(7.801.400.733)</b>	<b>(35.489.069.344)</b>
12. Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
13. Chi phí thuế doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>14. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>(7.801.400.733)</b>	<b>(35.489.069.344)</b>
<b>15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>		<b>-</b>	<b>-</b>

*Trương Thị Kim Dung*

Trương Thị Kim Dung

Kế toán trưởng

Ngày 01 tháng 02 năm 2010



*I rân Dương Ngọc Thảo*

Tổng Giám đốc

Ghi chú kèm theo từ trang 09 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GIA QUYỀN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2009	Năm 2008
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>(7.801.400.733)</b>	<b>(35.489.069.344)</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.882.052.509	1.919.008.146
Các khoản dự phòng	03	6.558.087.884	(1.007.541.443)
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
Lãi/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	(1.362.041.611)	(164.121.031)
Chi phí lãi vay	06	855.493.585	2.011.339.456
<b>Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>132.191.634</b>	<b>(32.730.384.216)</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(26.434.904.379)	89.841.361.458
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	-	(41.159.712.884)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	44.083.159.008	(17.568.621.287)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	2.215.363.429	2.373.403.822
Tiền lãi vay đã trả	13	(695.701.918)	(1.975.172.756)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(124.241.682)
<b>Lưu chuyển tiền thuần hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>19.300.107.774</b>	<b>(1.343.367.545)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(217.344.265)	(665.922.754)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	31.290.205	980.363.637
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(51.484.594.490)	-
- Chi đầu tư cổ phiếu		(51.484.594.490)	-
- Chi đầu tư tài chính khác		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	28.302.949.794	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.361.109.940	1.349.948.700
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(22.006.588.816)</b>	<b>1.664.389.583</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn	33	27.446.000.000	30.900.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(9.846.000.000)	(38.500.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>17.600.000.000</b>	<b>(7.600.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>14.893.518.958</b>	<b>(7.278.977.962)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	12.026.101.903	19.305.079.865
Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>26.919.620.860</b>	<b>12.026.101.903</b>

*Trương Thị Kim Dung*

Trương Thị Kim Dung

Kế toán trưởng

Ngày 01 tháng 02 năm 2010



*Trần Dương Ngọc Thảo*

Trần Dương Ngọc Thảo

Tổng Giám đốc

Ghi chú kèm theo từ trang 09 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GIA QUYỀN

## GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

---

Bảng ghi chú này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

### I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán GIA QUYỀN (sau đây gọi tắt là "Công ty"), là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán Số 56/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/7/2007. Vốn điều lệ theo Giấy phép là 135.000.000.000 đồng.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh chứng khoán.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

#### 4. Tên giao dịch và trụ sở

Công ty có tên giao dịch tiếng Anh là Empower Securities Corporation; tên viết tắt là EPS.

Trụ sở chính đặt tại tầng 1 và 2 tòa nhà Chương Dương ACIC Building Central Garden, 225 Bến Chương Dương, Quận 1, Tp.HCM.

Chi nhánh của Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Quyền đặt tại tầng 3 số 249, đường Trần Đăng Ninh, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

### II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

#### 1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính của Công ty đã được dịch sang tiếng Anh từ bản báo cáo tài chính phát hành tại Việt Nam bằng ngôn ngữ Tiếng Việt.

#### 2. Năm tài chính

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### III. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt thời kỳ tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được hạch toán như sau (theo nội dung Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính):

- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản công nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với các khoản phải thu dài hạn, sau khi bù trừ, chênh lệch còn lại được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với các khoản phải trả dài hạn, sau khi bù trừ, chênh lệch còn lại được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì có thể phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất cũng phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí cho các năm sau nhưng tối đa không quá 5 năm.

#### 4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

1020  
CÔNG  
SÁCH NHỊ  
VĂN VÀ  
GA  
PHỤ II

